

KẾ HOẠCH

**kiểm tra kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU,
ngày 21/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực
lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi
tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến 2015 và những năm tiếp theo**

Thực hiện Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2022; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch kiểm tra kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến 2015 và những năm tiếp theo (*gọi tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TU*), như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm tra, đánh giá đúng tình hình triển khai và kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; qua đó tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện Nghị quyết; phát huy những kết quả đạt được, đề ra những giải pháp giải quyết những hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Thông qua kiểm tra để kịp thời phát huy, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, miền núi trong giai đoạn hiện nay.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng phối hợp, tạo điều kiện, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, báo cáo đầy đủ nội dung theo yêu cầu của Đoàn Kiểm tra.

- Việc kiểm tra phải được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ; đánh giá thực chất, khách quan việc triển khai thực hiện Nghị quyết và đảm bảo đúng thời gian, nội dung, bám sát kế hoạch đề ra.

II- NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ MỐC THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh

đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến 2015 và những năm tiếp theo.

2. Đối tượng kiểm tra: Một số tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi trực thuộc các huyện, thành ủy; Ban Thường vụ các huyện, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

3. Mốc thời gian kiểm tra: Từ khi ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU đến ngày 30/6/2022 (để thống kê số liệu).

III- THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Thời gian tiến hành kiểm tra: tháng 8/2022 (*lich kiểm tra cụ thể do Đoàn Kiểm tra thông báo trước bằng văn bản cho các đơn vị*).

2. Địa điểm kiểm tra: Trụ sở làm việc của các địa phương, đơn vị.

3. Phương pháp tiến hành kiểm tra: Thực hiện theo quy trình kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên (*ban hành kèm theo Quyết định số 3761-QĐ/TU, ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra. Đoàn Kiểm tra do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn, thành viên gồm một số đồng chí lãnh đạo các Ban đảng tỉnh và thư ký giúp việc.

2. Các huyện, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch này; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU (*theo đề cương và biểu mẫu đính kèm*), gửi về Đoàn Kiểm tra Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) **trước ngày 30/7/2022.**

Kinh phí và phương tiện phục vụ kiểm tra thực hiện theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các ban đảng tỉnh ủy,
- Các huyện, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, hồ sơ kiểm tra.



**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Đức Thanh

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến 2015 và những năm tiếp theo.

(Kèm theo Kế hoạch số 149 -KH/TU, ngày 12 /7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I/ Đặc điểm tình hình

- Nêu khái quát đặc điểm và tình hình chung của địa phương, đơn vị có ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU.
- Tình hình tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của địa phương, đơn vị.

II/ Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết

1/ Tình hình tổ chức triển khai, quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết

- Công tác lãnh đạo, triển khai tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết, các văn bản của Trung ương, Tỉnh có liên quan và việc cụ thể hóa Nghị quyết tại địa phương, đơn vị (nêu rõ các văn bản đã ban hành).
- Những chuyển biến về nhận thức, hành động sau triển khai tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết.

2/ Kết quả thực hiện Nghị quyết

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể mà Nghị quyết đã đề ra, nêu cụ thể tỷ lệ % đạt được so với mục tiêu, cụ thể:
 - + Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
 - + Tỷ lệ cơ quan chính quyền, các đoàn thể xếp loại vững mạnh;
 - + Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ;
 - + Số lượng đảng viên kết nạp mới hàng năm/ tổng số đảng viên của đảng bộ (nêu cụ thể từng năm);
 - + Tỷ lệ cán bộ chuyên trách xã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, lý luận chính trị; tỷ lệ công chức xã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, lý luận chính trị;
 - + Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2015, năm 2020, năm 2022.
- Việc củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị (việc đổi mới quán triệt và xây dựng các chương trình, kế hoạch của cấp ủy thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên một cách cụ thể, sát thực tiễn của địa phương để lãnh đạo có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh

xã hội; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; xây dựng nông thôn mới, công tác giảm nghèo...).

- Việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng (*việc học tập, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác giáo dục chính trị tư tưởng; việc chủ động nắm bắt, dự báo tình hình để có định hướng lãnh đạo; việc củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở...).*

- Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở; công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, bí thư cấp ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ (*việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, việc thực hiện đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển gắn với xây dựng kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch; việc đổi mới công tác đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trí tuệ và hoạt động thực tiễn của cán bộ....).*

- Việc nâng cao chất lượng hoạt động chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở nông thôn, miền núi (*việc nâng cao năng lực cụ thể hóa, năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành; lãnh đạo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả cải cách hành chính; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tập hợp quần chúng, công tác giám sát....).*

- Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém, xóa chi bộ sinh hoạt ghép.

- Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc.

- Việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ

- Công tác quản lý đảng viên, chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Công tác phát triển đảng viên mới.

- Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã, bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận, trưởng thôn là đảng viên....

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cơ sở trong việc thực hiện Nghị quyết.

- Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp ủy cơ sở, việc khắc phục hạn chế sau kiểm điểm.

- Việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hàng năm.
- Tình hình khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên.

III/ Đánh giá chung

1. Ưu điểm và nguyên nhân

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

IV/ Nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết

Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, những vướng mắc, những vấn đề thực tiễn đặt ra; bổ sung những giải pháp mang tính đột phá nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi.

V/ Đề xuất kiến nghị

Nêu rõ, cụ thể những nội dung đề xuất với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Ban xây dựng đảng tỉnh trong việc thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nông thôn, miền núi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

ĐƠN VỊ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
 ngày tháng năm 2022

**THÔNG KÊ
 CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC Ở XÃ**

Biểu 1

TT	Năm	Cán bộ												Công chức													
		Tổng số	Cơ cấu				Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT				Tổng số	Cơ cấu				Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT			
			Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	dưới 35 tuổi	Trên đại học	Đại học	cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	CN, Cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo		Nữ	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	dưới 35 tuổi	Trên Đại học	Đại học	cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	CN, Cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo
1	2012																										
2	2015																										
3	30/06/2022																										

NGƯỜI LẬP BIỂU

DUYỆT BIỂU

ĐƠN VỊ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 2022

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN Ở XÃ

Biểu 2

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm			Ghi chú
		31/12/2012	31/12/2015	30/06/2022	
1	Số chi bộ trực thuộc xã				
<i>Trong đó</i>	- Chi bộ thôn				
	- Chi bộ công an xã				
	- Chi bộ quân sự xã				
	- Chi bộ trường học				
	- Chi bộ trạm y tế				
	- Khác				
2	Tổng số thôn				
<i>Trong đó</i>	- Số chưa có đảng viên				
	- Số chưa có tổ chức đảng				
	- Số chi bộ thôn còn sinh hoạt ghép				
3	Số bí thư chi bộ thôn				
<i>Trong đó</i>	- Số kiêm trưởng thôn				
	- Số kiêm trưởng ban công tác mặt trận				
	- Số kiêm trưởng thôn và trưởng ban công tác mặt trận				
	- Số kiêm nhiệm chức danh khác				
4	Số Trưởng thôn				
	Trong đó: số chưa là đảng viên				
5	Số Trường tiểu học và THCS				
<i>Trong đó</i>	Số chưa có đảng viên				
	Số chưa có tổ chức đảng				
6	Số Trạm y tế				
<i>Trong đó</i>	Số chưa có đảng viên				
	Số chưa có tổ chức đảng				

NGƯỜI LẬP BIỂU

DUYỆT BIỂU

ĐƠN VỊ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 2022

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI
VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI TCCSĐ, ĐẢNG VIÊN Ở XÃ**

Biểu 3

TT	Năm	Tổng số	Kết quả kết nạp ĐV mới ở xã, trong đó kết nạp tại:						Tổng số	Kết quả xếp loại đảng bộ xã				Tổng số	Kết quả xếp loại đảng viên				Ghi chú
			Chi bộ thôn	CB Quân sự	Chi bộ Công an	CB trường học	CB Trạm y tế	Khác		HTXS NV	HTTN V	HTNV	Không HTNV		HTXS NV	HTTN V	HTNV	Không HTNV	
1	2012																		
2	2013																		
3	2014																		
4	2015																		
5	2016																		
6	2017																		
7	2018																		
8	2019																		
9	2020																		
10	2021																		
11	30/06/2022																		
Tổng cộng																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

DUYỆT BIỂU

ĐƠN VỊ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm 2022

KẾT QUẢ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ GIỮ CÁC CHỨC DANH CHỦ CHỐT Ở XÃ

Biểu 4

TT	Chức danh	Giai đoạn 2012-2015			Giai đoạn 2016- 30/6/2022			Ghi chú
		<i>Luân chuyển cán bộ từ cấp huyện về xã</i>	<i>Luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác</i>	<i>Tăng cường theo chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp Đại học chính quy về làm việc tại xã</i>	<i>Luân chuyển cán bộ từ cấp huyện về xã</i>	<i>Luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác</i>	<i>Tăng cường theo chủ trương đưa sinh viên tốt nghiệp Đại học chính quy về làm việc tại xã</i>	
1	Bí thư Đảng ủy							
2	Phó bí thư Thường trực							
3	Chủ tịch UBND							
4	Phó chủ tịch UBND							
5	Chức danh khác (Nếu có ghi rõ)							

NGƯỜI LẬP BIỂU

DUYỆT BIỂU